

Số: *HH* /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *09* tháng *01* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển
nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của HĐND tỉnh ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4108/TTr-SNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc trình dự thảo Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023 (*kèm theo Kế hoạch*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- BTC Tỉnh ủy, BTG Tỉnh ủy, BDV Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Các DNNN trực thuộc tỉnh;
- Các tổ chức Hội;
- Đài PTTH, Báo Khánh Hòa, TT Công TTĐT;
- Lãnh đạo+ các phòng VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HM, HP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số HH /QĐ-UBND ngày 09/01/2023
của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

Ngày 24/6/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1719/QĐ-UBND về Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 nhằm thực hiện các mục tiêu đã được xác định tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. Để cụ thể hóa nội dung thực hiện trong năm 2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện đầy đủ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể được xác định tại Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu cụ thể của năm 2023

2.1. Phát triển nguồn nhân lực theo chủ thể tham gia phát triển

a) Đối với công chức, viên chức:

- Ít nhất 93% công chức, viên chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ phải đạt chuẩn trình độ theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức và theo vị trí việc làm được phê duyệt.

- Ít nhất 95% công chức, viên chức được quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý phải có trình độ lý luận chính trị tương ứng với chức danh được quy hoạch.

b) Đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Về trình độ chuyên môn: công chức cấp xã phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo lộ trình.

- Ít nhất 85% cán bộ, công chức cấp xã được quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý phải có trình độ lý luận chính trị tương ứng với chức danh được quy hoạch.

2.2. Phát triển nguồn nhân lực ở các ngành, lĩnh vực, vùng, miền

Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như phát triển kinh tế biển, các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; nhân lực chất lượng cao cho 3 vùng động lực của tỉnh.

Phấn đấu đến hết năm 2023: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 83%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28,8%.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực

1.1 Nhiệm vụ chung:

Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh có trách nhiệm triển khai và thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp mang tính chất chung và thường xuyên đã được nêu tại Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 và Phụ lục đính kèm, được ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh.

1.2 Các nhiệm vụ cụ thể:

a) Cập nhật Danh mục ngành nghề cần đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh ban hành theo Quyết định số 3820/QĐ-UBND ngày 28/10/2021; chú trọng vào các lĩnh vực: du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến - chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng và quản lý đô thị.

- Phân công thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh

- Thời gian hoàn thành: Ngày 31/3/2023.

b) Xây dựng tiêu chí xác định ngành trọng điểm của tỉnh và lập Danh mục ngành nghề thu hút tại tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2023-2025 (thay thế Danh mục ngành nghề thu hút và ngành nghề hỗ trợ đào tạo sau đại học tại tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020 được ban hành theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh)

- Phân công thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai thực hiện Đề án thí điểm định lượng hóa công việc, xác định và phân giao công việc theo vị trí việc làm.

- Phân công thực hiện: Sở Nội vụ.

- Thời gian hoàn thành: Theo tiến độ được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

d) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu, vận hành và duy trì Phần mềm Quản lý nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

- Phân công thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ;

- Thời gian thực hiện: Xuyên suốt năm 2023.

e) Điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2020-2025 và triển khai thực hiện theo tiến độ đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Thời gian hoàn thành: Ngày 28/02/2023 và thực hiện trong năm 2023.

g) Hoàn thiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và phổ thông công lập giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và triển khai thực hiện theo tiến độ đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Thời gian hoàn thành: Ngày 28/02/2023 và thực hiện trong năm 2023.

h) Hoàn thiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất cho các Trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Thời gian hoàn thành: Ngày 28/02/2023 và thực hiện trong năm 2023.

i) Tiếp tục triển khai Kế hoạch đào tạo, phát triển nhân lực ngành y tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 theo tiến độ đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phân công thực hiện: Sở Y tế;

- Thời gian hoàn thành: Xuyên suốt năm 2023.

k) Triển khai Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông;
- Thời gian hoàn thành: Trong năm 2023 theo lộ trình Kế hoạch.

l) Triển khai Đề án giải quyết lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thời gian hoàn thành: Trong năm 2023 theo lộ trình Kế hoạch.

m) Hoàn thiện văn bản về các chế độ, chính sách, cụ thể:

- Chính sách thu hút nhà quản lý, các nhà khoa học có trình độ cao, các doanh nhân, nghệ nhân, chuyên gia, các công nhân kỹ thuật tay nghề bậc cao trong tỉnh tham gia đào tạo nhân lực; thu hút, khuyến khích nhân tài các tỉnh khác về làm việc tại Khánh Hòa

+ Phân công thực hiện: Sở Tài chính;

+ Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2023.

- Quy định về bồi thường chi phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa khi vi phạm cam kết.

+ Phân công thực hiện: Sở Tài chính;

+ Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2023.

2. Tổ chức thực hiện các nội dung đào tạo, bồi dưỡng của năm 2023:

2.1. Các nội dung đào tạo về trình độ chuyên môn:

a) Căn cứ vào yêu cầu vị trí việc làm và nhu cầu thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành quyết định cử công chức, viên chức đi đào tạo để chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn, trong đó tập trung vào nhóm nhân lực ngành y tế, nhân lực ngành giáo dục và đào tạo, đội ngũ công chức cấp xã và những ngành nghề được xác định cần đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước giai đoạn 2021-2025 theo Danh mục ngành nghề đã được UBND tỉnh ban hành theo Quyết định số 3820/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 và Danh mục sau khi được cập nhật, bổ sung.

Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm rà soát, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định (thông qua Sở Nội vụ), bổ sung kịp thời những chuyên ngành cần đào tạo trong giai đoạn này.

b) Tổ chức lớp đào tạo Thạc sĩ cho cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác tại các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể,

trong đó, ưu tiên tập trung đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức là lãnh đạo từ cấp Phòng và tương đương trở lên hoặc được quy hoạch chức danh lãnh đạo cấp Phòng và tương đương; gồm các lớp theo đơn đặt hàng với Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (chuyên ngành Quản lý công, Quản lý đô thị thông minh và sáng tạo) và một số chuyên ngành trọng điểm khác với các cơ sở đào tạo đáp ứng được yêu cầu.

2.2. Các lớp đào tạo Lý luận chính trị:

a) Tổ chức các lớp Trung cấp lý luận chính trị theo Kế hoạch đào tạo năm 2023 của Trường Chính trị tỉnh.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh chủ trì, phối hợp thực hiện chiêu sinh, phê duyệt danh sách để tổ chức đào tạo.

b) Tiếp tục thực hiện các lớp Cao cấp lý luận chính trị đã khai giảng trong năm 2022 và mở lớp Cao cấp lý luận chính trị theo Kế hoạch đào tạo năm 2023 của Trường Chính trị tỉnh.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh chủ trì, phối hợp chiêu sinh, phê duyệt danh sách gửi Học viện Chính trị khu vực III Đà Nẵng thực hiện.

2.3. Các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý

a) Tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Phòng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của UBND tỉnh cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Phòng và tương đương, và công chức, viên chức được quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý. Sở Nội vụ có trách nhiệm thực hiện chiêu sinh, phê duyệt danh sách gửi Trường Chính trị tỉnh tổ chức bồi dưỡng.

b) Tiếp tục cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp Sở và tương đương, lãnh đạo cấp Huyện theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của UBND tỉnh và theo thông báo chiêu sinh của Học viện Hành chính quốc gia.

2.4. Các lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước

a) Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình ngạch Chuyên viên, Chuyên viên chính theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của UBND tỉnh cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh. Sở Nội vụ có trách nhiệm thực hiện chiêu sinh, phê duyệt danh sách gửi Trường Chính trị tỉnh thực hiện.

b) Tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình ngạch Chuyên viên cao cấp theo Kế hoạch đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của UBND tỉnh và theo thông báo chiêu sinh của Học viện Hành chính quốc gia.

2.5. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số

Ban Dân tộc tỉnh chủ trì thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc và Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc cho các Nhóm đối tượng theo Kế hoạch số 7505/KH-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh về Đề án bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023.

2.6. Các lớp bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp

Các sở quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng tại địa phương hoặc cử đi bồi dưỡng đối với các viên chức chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn thực hiện của Bộ quản lý chuyên ngành đối với những Chương trình bồi dưỡng theo hạng chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành.

2.7. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo ngành, lĩnh vực

Các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Du lịch, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao căn cứ vào nội dung chi tiết tại Phụ lục Đào tạo, bồi dưỡng theo Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023 được đính kèm theo Kế hoạch này để thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong năm 2023 theo nội dung đã đăng ký trong lộ trình giai đoạn 2021-2025 của Chương trình.

2.8. Các nội dung khác

Đối với các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện sau khi có Kế hoạch triển khai của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Ngoài ra, với các nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đã được UBND tỉnh ban hành để triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án, Kế hoạch của Trung ương, đề nghị các cơ quan chủ trì tiếp tục thực hiện để đảm bảo các nội dung đã phê duyệt.

(Kèm theo Phụ lục Đào tạo, bồi dưỡng theo Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023)

III. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện năm 2023: **13.500.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

| | | |
|--|---|---------------------|
| 1. Sở Nội vụ | : | 4.070.000.000 đồng; |
| 2. Trường Chính trị tỉnh | : | 2.510.000.000 đồng; |
| 3. Sở Y tế | : | 3.800.000.000 đồng; |
| 4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | : | 440.000.000 đồng; |
| 5. Sở Kế hoạch và Đầu tư | : | 150.000.000 đồng; |
| 6. Sở Thông tin và Truyền thông | : | 180.000.000 đồng; |
| 7. Sở Tài nguyên và Môi trường | : | 160.000.000 đồng; |
| 8. Sở Du lịch | : | 200.000.000 đồng; |
| 9. Sở Ngoại vụ | : | 100.000.000 đồng; |
| 10. Sở Giáo dục và Đào tạo | : | 70.000.000 đồng; |
| 11. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện | : | 1.820.000.000 đồng; |

Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh cấp cho Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh.

(Phụ lục Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa năm 2023, kèm theo)

Đối với các nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đã được cấp kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án, Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan chủ trì thực hiện sử dụng nguồn kinh phí đã được phê duyệt để đảm bảo thực hiện nội dung.

Đối với các nội dung bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp dành cho viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập: Kinh phí được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các nội dung Kế hoạch này, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ và đề xuất nội dung thực hiện chương trình cho năm tiếp theo (trước 15/11/2023) về Sở Nội vụ để tổng hợp.

UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực tại địa phương nhằm góp phần đạt các mục tiêu chung Chương trình phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Các cơ quan được phân công theo dõi lĩnh vực phát triển nhân lực có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch phát triển nhân lực thuộc lĩnh vực phụ trách. Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế và khả năng tổ chức các nội dung của Kế hoạch, nếu có sự điều chỉnh về nội dung và kinh phí thực hiện, đề nghị các cơ quan có trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để kịp thời điều tiết kinh phí, tăng tính hiệu quả trong việc sử dụng nguồn kinh phí đã được cấp cho Chương trình.

Đẩy mạnh việc huy động, lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án hỗ trợ, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, người lao động đóng góp trong công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí nguồn kinh phí, tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí bổ sung cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển nhân lực của các lĩnh vực và việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, đề xuất cơ quan được phân công theo dõi lĩnh vực phát triển nhân lực để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện (thông qua Sở Nội vụ)/.

PHỤ LỤC
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG THEO CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|-----------|--|--|-------------------------|---------------------|---------------------------------|--|------------------------------------|---|---|---|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| A. | Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức <i>(Thực hiện theo Kế hoạch, Đề án chi tiết của từng ngành, lĩnh vực)</i> | | | | | | | | | |
| I. | Đào tạo chuyên môn trình độ Đại học, Sau đại học | | | | | | | | | |
| 1 | Đào tạo chuyên môn theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 | Cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh | | | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Theo DM ngành nghề cần đào tạo |
| 1.1 | Đào tạo Thạc sĩ Quản lý công | Cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh | | | Sở Nội vụ | Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh | 850.000.000 | Sở Nội vụ | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Thực hiện theo Kế hoạch mở lớp chi tiết |
| 1.2 | Đào tạo Thạc sĩ Quản lý đô thị thông minh và sáng tạo | Cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh | | | Sở Nội vụ | Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh | 1.500.000.000 | Sở Nội vụ | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Thực hiện theo Kế hoạch mở lớp chi tiết |
| 1.3 | Đào tạo bác sĩ Đa khoa (liên thông) | Y sĩ đang công tác tại tuyến y tế cơ sở | Y tế | | Sở Y tế | | 3.800.000.000 | Sở Y tế | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Theo Kế hoạch PTNL ngành y tế |
| 1.4 | Đào tạo sau đại học, Đào tạo nâng cao tay nghề để thực hiện các kỹ thuật chuyên môn. | Y - Bác sĩ | Y tế | | Sở Y tế | | | | | |
| 1.5 | Đào tạo nâng chuẩn trình độ giáo viên | Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở | Giáo dục và đào tạo | | Sở Giáo dục và Đào tạo | UBND các huyện, thị xã, thành phố | 1.820.000.000 | Sở Giáo dục và Đào tạo UBND các huyện, thị xã, thành phố | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Kế hoạch 3620/KH-UBND |

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------|---|---|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| 1.6 | Đào tạo chuẩn hóa đội ngũ công chức cấp xã | Công chức cấp xã | | | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | | | - Ngân sách địa phương; - Xã hội hóa | |
| 2. | Về trình độ lý luận chính trị (Thực hiện theo Kế hoạch mở lớp chi tiết) | | | | | | | | | |
| 2.1 | Cao cấp Lý luận chính trị | Cán bộ, công chức, viên chức | | 03 lớp | Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị | Học viện Chính trị Quốc gia | 2.510.000.000 | Trường Chính trị | | Có 02 lớp chuyên tiếp từ năm 2021, 2022 |
| 2.2 | Trung cấp Lý luận chính trị | Cán bộ, công chức, viên chức | | | | | | | | |
| - | Hệ không tập trung | | | 16 lớp | Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị | Trường Chính trị | | | Ngân sách cấp | Có 08 lớp chuyên tiếp từ năm 2022 |
| 3. | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý | | | | | | | | | |
| 3.1 | Lãnh đạo, quản lý cấp Sở | Cán bộ, công chức, viên chức | | 01 lớp (40 học viên) | Sở Nội vụ | Học viện Hành chính Quốc gia | 550.000.000 | Sở Nội vụ | | |
| 3.2 | Lãnh đạo, quản lý cấp Huyện | Cán bộ, công chức, viên chức | | | Sở Nội vụ | Học viện Hành chính Quốc gia | | | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Cử đi học theo nhu cầu thực tế |
| 3.3 | Lãnh đạo, quản lý cấp Phòng | Cán bộ, công chức, viên chức | | 02 lớp (80 học viên/lớp) | Sở Nội vụ | Trường Chính trị | 390.000.000 | Sở Nội vụ | | |
| 4. | Bồi dưỡng kiến thức QLNN (Thực hiện theo Kế hoạch mở lớp chi tiết) | | | | | | | | | |
| 4.1 | Chuyên viên cao cấp | Cán bộ, công chức, viên chức | | | Sở Nội vụ | Học viện Hành chính Quốc gia | | | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | Cử đi học theo nhu cầu thực tế |
| 4.2 | Chuyên viên chính | Cán bộ, công chức, viên chức | | 02 lớp (80 học viên/lớp) | Sở Nội vụ | Trường Chính trị | 390.000.000 | Sở Nội vụ | | |

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|-----------|---|--|--|--------------------------|---------------------------------------|---|------------------------------------|------------------------|---|---|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| 4.3 | Chuyên viên | Cán bộ, công chức, viên chức | | 02 lớp (80 học viên/lớp) | Sở Nội vụ | Trường Chính trị | 390.000.000 | Sở Nội vụ | | |
| 5. | Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh (Thực hiện theo Kế hoạch mở lớp chi tiết) | | | | | | | | | |
| 5.1 | Đối tượng 3 | Cán bộ, công chức, viên chức | | | Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh | Sở Nội vụ; Ban Tổ chức tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | Ngân sách cấp | |
| 5.2 | Người có uy tín trong đồng bào DTTS | Người có uy tín trong đồng bào DTTS | | | Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh | Ban Dân tộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | - CT MTQG Phát triển KTXH vùng dân tộc | |
| 6. | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh của công chức; chức danh nghề nghiệp viên chức | Cán bộ, công chức, viên chức | Giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa và thể thao; nông nghiệp và phát triển nông thôn... | | Các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực | | | | - Ngân sách cấp - Đơn vị sự nghiệp - Xã hội hóa | |
| 7. | Bồi dưỡng theo ngành, lĩnh vực | | | | | | | | | |
| 7.1 | Bồi dưỡng kiến thức dân tộc | CBCCVC thuộc nhóm đối tượng 3, đối tượng 4 | Dân tộc | | Ban Dân tộc tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương Học viện Dân tộc | | Ban Dân tộc tỉnh | Chương trình MTQG PT KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023 | Theo Kế hoạch số 7505/KH-UBND và Kế hoạch Chương trình MTQG PT KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023 |
| 7.2 | Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số | | Dân tộc | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Ban Dân tộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương | 70.000.000 | Sở Giáo dục và Đào tạo | | Theo Kế hoạch số 7505/KH-UBND |

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|-----|--|--|----------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|---|------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| 7.3 | Tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ làm công tác khuyến công | Cán bộ làm công tác khuyến công | Công thương | 01 lớp (80 học viên) | Sở Công Thương | Đơn vị thuộc Bộ Công Thương; Các cơ quan, địa phương, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công thương | | | Ngân sách cấp | |
| 7.4 | Tập huấn kỹ thuật lấy mẫu thực phẩm | Cán bộ người quản lý doanh nghiệp và lãnh đạo các cơ quan có liên quan | Công thương (An toàn thực phẩm) | 03 lớp (50 học viên/lớp) | Sở Công Thương | | | | - Ngân sách cấp; - Xã hội hóa | |
| 7.5 | Tập huấn Phần mềm Quản lý và sử dụng nguồn nhân lực KHCN | Cán bộ, công chức, viên chức | Khoa học và Công nghệ | | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | - Kinh phí sự nghiệp khoa học | |
| 7.6 | Tập huấn nghiệp vụ quản lý Nhà nước về KHCN | Cán bộ, công chức, viên chức | Khoa học và Công nghệ | | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương Học viện Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo- Bộ KHCN | | | - Kinh phí sự nghiệp khoa học | |
| 7.7 | Bồi dưỡng kiến thức về sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ | - CBCCVC; - Nhân viên bức xạ | Khoa học và Công nghệ | | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | - Kinh phí sự nghiệp khoa học | |
| 7.8 | Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp | CBQL và giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp | Lao động – Thương binh và Xã hội | 180 | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 440.000.000 | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | - Đơn vị sự nghiệp; - Xã hội hóa | |
| 7.9 | Đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhà giáo | CBQL và giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp | Lao động – Thương binh và Xã hội | | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | - Đơn vị sự nghiệp; - Xã hội hóa | |

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|-----------|--|---|---|----------------------|--------------------------------------|--|------------------------------------|------------------------------|---------------------|---------|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| 7.10 | Bồi dưỡng kiến thức QLNN, kỹ năng, nghiệp vụ về biến đổi khí hậu | Công chức, viên chức | Tài nguyên và Môi trường | 01 lớp (90 học viên) | Sở Tài nguyên và Môi trường | CS đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - Bộ Tài nguyên và Môi trường | 80.000.000 | Sở Tài nguyên và Môi trường | | |
| 7.11 | Bồi dưỡng chính sách pháp luật về tài chính đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng | Công chức, viên chức | Tài nguyên và Môi trường | 01 lớp (90 học viên) | Sở Tài nguyên và Môi trường | | 80.000.000 | Sở Tài nguyên và Môi trường | | |
| 7.12 | Tập huấn và triển khai các chính sách an toàn thông tin mạng | Cán bộ chuyên trách CNTT và CBCCVV của các sở, ban ngành thuộc tỉnh | Thông tin và Truyền thông | 02 lớp | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị; UBND cấp huyện. | 180.000.000 | Sở Thông tin và Truyền thông | | |
| 7.13 | Tập huấn, hướng dẫn thực hiện công tác đối ngoại | Cán bộ, công chức, viên chức | Ngoại giao | 01 lớp | Sở Ngoại vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan | 100.000.000 | Sở Ngoại vụ | | |
| B | Phát triển nhân lực ở các ngành, lĩnh vực, vùng, miền | | | | | | | | | |
| I. | Lĩnh vực Lao động | | | | | | | | | |
| 1. | Hỗ trợ đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa | Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa | Các lĩnh vực Công nghiệp, Xây dựng và Du lịch | 500 học viên | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; | Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được doanh nghiệp lựa chọn để tổ chức đào tạo | | | Ngân sách cấp | |

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|----|---|---|--|----------------------------|--------------------------------------|--|------------------------------------|-----------------------|---------------------|---|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| 2 | Đào tạo lao động có trình độ trung cấp trở lên (theo các nhóm ngành nghề phục vụ phát triển theo định hướng dự báo phát triển lao động) | Lao động trong độ tuổi lao động | Nhóm: Cơ khí; Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Logistic Xây dựng; Nông, lâm, thủy sản; Du lịch; Khách sạn - nhà hàng; Kỹ thuật... | Tuyển sinh 10.000 học viên | Các trường cao đẳng, trung cấp | Các Sở ngành phối hợp trong thực hiện tuyển truyền tư vấn tuyển sinh Đại học Các trường Đại học, cao đẳng và trung cấp | | | | Thực hiện theo ND của CP về chính sách miễn giảm học phí; chính sách nội trú; chính sách HS-SV; kinh phí chi thường xuyên tính trên mỗi học sinh. |
| 3. | Hỗ trợ đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho lao động nông thôn thuộc chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới | Lao động nông thôn thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác, lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp | Nghề phi nông nghiệp | 1.500 | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | UBND cấp huyện | | | Ngân sách cấp | Theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh |
| 4. | Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành các dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương | Đối tượng là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an được cấp thẻ học nghề với thời hạn 01 năm kể từ khi ra quân | Danh mục ngành nghề | 300 | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; | UBND cấp huyện | | | Ngân sách cấp | Theo Quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND tỉnh |

| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|------------------------------------|--|--|---|----------------------|--------------------------------------|---|------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|--|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| 5. | Hỗ trợ đào tạo lao động theo đặt hàng của các nhà đầu tư | Người lao động có kỹ năng thường trú trên địa bàn tỉnh | Các ngành nghề thuộc lĩnh vực Công nghiệp - Công nghệ cao | Thực hiện hàng năm | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; | Các trường Đại học, Học viện và các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp | | | | Xây dựng chính sách trước khi triển khai |
| II. Lĩnh vực Đầu tư | | | | | | | | | | |
| 1 | Khởi sự kinh doanh | Doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cơ sở đào tạo bồi dưỡng có thẩm quyền, chức năng | 50.000.000 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | - Xã hội hóa | Theo Kế hoạch hỗ trợ DNVVN |
| 2 | Giám đốc điều hành | Lãnh đạo quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cơ sở đào tạo bồi dưỡng có thẩm quyền, chức năng | 100.000.000 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | - Xã hội hóa | |
| III. Lĩnh vực công - thương | | | | | | | | | | |
| 1 | Tập huấn, phổ biến kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho các doanh nghiệp | Cán bộ người quản lý doanh nghiệp và lãnh đạo các cơ quan có liên quan | Công Thương (Hội nhập kinh tế quốc tế) | 02 lớp/80 học viên | Sở Công Thương | Đơn vị thuộc Bộ Công Thương; Các cơ quan, địa phương, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công thương | | | Ngân sách cấp | |
| 2 | Tập huấn về các mạng công nghiệp lần thứ 4 | Cán bộ người quản lý doanh nghiệp và lãnh đạo các cơ quan có liên quan | Công Thương | 01 lớp/70 học viên | Sở Công Thương | | | | - Ngân sách cấp; - Xã hội hóa | |
| 3 | Huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất | Người quản lý, người lao động tại cơ sở kinh doanh, sử dụng hóa chất | Công thương | 01 lớp (80 học viên) | Sở Công Thương | | | | - Ngân sách cấp; - Xã hội hóa | |



| TT | Nội dung | Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng | Ngành nghề/ Lĩnh vực | Số lớp Học viên/lớp | Phân công thực hiện | | Kinh phí Phát triển nguồn nhân lực | | Nguồn kinh phí khác | Ghi chú |
|--|---|---|--|--------------------------|-------------------------------------|--|---|-----------------------|--------------------------------------|--|
| | | | | | Chủ trì | Phối hợp/ Cơ sở đào tạo | Số tiền (đồng) | Nơi được cấp kinh phí | | |
| IV. | Lĩnh vực du lịch | | | | | | | | | |
| 1 | Bồi dưỡng Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch | Người quản lý và người lao động ngành du lịch | Du lịch | 02 lớp (30 học viên/lớp) | Sở Du lịch | Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch | 60.000.000 | Sở Du lịch | Xã hội hóa | Nội dung năm 2022 chuyển sang |
| 2 | Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý khách sạn chất lượng cao | Người quản lý tại các cơ sở lưu trú du lịch | Du lịch | 01 lớp (30 học viên) | Sở Du lịch | | 50.000.000 | Sở Du lịch | Xã hội hóa | |
| 3 | Bồi dưỡng quản lý, nghiệp vụ du lịch | Người lao động đang làm việc tại các cơ sở lưu trú du lịch | Du lịch | 02 lớp (35 học viên/lớp) | Sở Du lịch | | 90.000.000 | Sở Du lịch | Xã hội hóa | |
| V. | Lĩnh vực văn hóa - thể thao | | | | | | | | | |
| 1 | Tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và quảng cáo | Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ văn hóa, quảng cáo | Văn hóa | 01 lớp (250 người) | Sở Văn hóa và Thể thao | | | | Xã hội hóa | |
| 2 | Tập huấn nghiệp vụ lĩnh vực thể dục thể thao | Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ thể dục, thể thao | Thể thao | 03 lớp (70 học viên/lớp) | Sở Văn hóa và Thể thao | | | | -Ngân sách nhà nước; - Xã hội hóa | |
| VI. | Khu Kinh tế Vân Phong | | | | | | | | | |
| 1 | Định hướng các trường tập trung vào các ngành nghề để chuẩn bị nguồn nhân lực cho các dự án thứ cấp vào khu công nghiệp | Sinh viên các trường đại học, học sinh các trường đào tạo nghề tại địa phương | Cơ khí, hàn, sơn, điện, điện tử, may mặc, chế biến thủy sản... | | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | BQL Khu KT Vân Phong (định kỳ hằng năm, cung cấp nhu cầu và thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp để các đơn vị phối hợp cung cấp nguồn nhân lực) | Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề ở địa phương | | | Lưu ý: đào tạo kỹ năng tiếng Anh cho kỹ sư và công nhân kỹ thuật |
| TỔNG CỘNG: | | | | | | | 13.500.000.000 | | | |
| <i>(Bằng chữ: Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)</i> | | | | | | | | | | |